

**HỘI NGHỆ CÁ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
CHI HỘI NGHỀ CÁ THƯỢNG TÂY-HẢI DƯƠNG**



**PHƯƠNG ÁN
GIAO QUYỀN KHAI THÁC THỦY SẢN ĐÀM PHÁ CHO
CHI HỘI NGHỀ CÁ THƯỢNG TÂY-HẢI DƯƠNG**



HẢI DƯƠNG, tháng 02/2011

MỤC LỤC

PHẦN 1: TƯ CÁCH PHÁP NHÂN VÀ NĂNG LỰC CỦA CHNC THƯỢNG TÂY.....	3
1.1 Tổ chức Chi hội Nghề cá.....	3
1.2 Các hoạt động của CHNC đến nay.....	3
1.3 Tình hình tài chính của CHNC.....	3
1.4 Thành lập Ban đồng quản lý.....	4
PHẦN 2: HIỆN TRẠNG KHAI THÁC MẶT NƯỚC TRONG KHU VỰC CHNC.....	5
PHẦN 3: KHU VỰC ĐỊA LÝ ĐỀ XUẤT GIAO QUYỀN KHAI THÁC THỦY SẢN.....	7
3.1 Cơ sở pháp lý.....	7
3.2 Tọa độ địa lý của các vùng nằm trong quyền sử dụng mặt nước.....	8
3.2.1 Khu vực đề xuất giao quyền cho CHNC Thượng Tây.....	8
3.2.2 Vùng thủy lộ, vùng đệm ranh giới xã và vùng đệm đường bờ.....	9
3.2.3 Vùng nuôi lồng.....	9
3.2.4 Vùng đáy.....	10
3.2.5 Vùng khai thác chung.....	11
PHẦN 4: PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ NGHỀ NGHIỆP VÀ QUẢN LÝ NGUỒN LỢI THỦY SẢN ĐẦM PHÁ.....	12
4.1 Quy chế quản lý tài nguyên đầm phá đối với mỗi vùng chuyên biệt.....	12
4.1.1 Vùng thủy lộ, vùng đệm ranh giới xã và đệm ven bờ đầm phá.....	12
4.1.2 Vùng nuôi lồng.....	12
4.1.3 Vùng đáy.....	14
4.1.4 Vùng khai thác chung.....	14
4.2 Quy chế về hệ thống phí sử dụng nguồn lợi.....	16
4.3 Quy chế xử lý vi phạm.....	17
4.4 Quy định tuần tra giám sát.....	17
4.5 Quy chế quản lý xung đột.....	17
4.6 Phối hợp với các quy định khác của CHNC.....	19
4.7 Điều chỉnh phương án.....	19
PHẦN 5: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG.....	20
5.1 Kế hoạch hoạt động chung và lịch thực hiện.....	20
5.2 Đăng ký nghề nghiệp và thu phí sử dụng nguồn lợi.....	21
5.3 Sắp xếp lại ngư cụ và NTTS.....	21
5.4 Công tác tuần tra giám sát.....	21
5.5 Các hoạt động bảo vệ và bảo tồn.....	21
5.6 Các hoạt động tuyên truyền.....	21
5.7 Cẩm mốt bổ sung.....	22
5.8 Sản xuất con giống và thức ăn theo từng CHNC.....	22
PHỤ LỤC.....	24

PHẦN 1: TỰ CÁCH PHÁP NHÂN VÀ NĂNG LỰC CỦA CHI HỘI NGHỀ CÁ THƯỢNG TÂY-HẢI DƯƠNG

1.1 Tổ chức Chi hội Nghề cá.

Chi hội Nghề cá (CHNC) Thượng Tây được thành lập vào ngày 05/10/2007 theo Quyết định số 24/QĐ về việc thành lập CHNC Thượng Tây do Tỉnh hội Nghề cá (THNC) ban hành (Phụ lục 1). Điều lệ Chi hội nghề cá Thượng Tây đã được Ủy ban Nhân dân xã thông qua theo Quyết định số 09 ngày 27/02/2008 (Phụ lục 2).

CHNC Thượng Tây hoạt động trên cả lĩnh vực nuôi trồng và khai thác thủy sản. CHNC hiện có 100 hội viên (tính đến ngày 06/4/2010) với ban chấp hành (BCH) gồm bảy(07) thành viên (Phụ lục 3 và 4). CHNC được chia thành ba phân hội dựa trên các hoạt động và vị trí địa lý.

1.2 Các hoạt động của CHNC đến nay

- Tổ chức đại hội chi hội nghề cá vào ngày 15 tháng 02 năm 2009.
- Xây dựng quy chế và chiến lược quản lý đầm phá.
- Tổ chức 6 lớp tập huấn cho hội viên về kỹ thuật nuôi trồng thủy sản, 4 lớp kỹ năng quản lý cho ban chấp hành chi hội.
- Cắm mốc mặt nước các CHNC: chi hội Thượng Tây, Hương Giang và Vĩnh Trị tổ chức cắm mốc ranh giới trên đất liền bằng cọc bê tông ngày 08 tháng 8 năm 2009.
- Tổ chức quản lý vùng nuôi cá lồng: Chi hội giao nhiệm vụ cho các phân hội chịu trách nhiệm tự quản theo từng địa bàn, giám sát các hoạt động theo quy chế của chi hội đề ra, báo cáo và phối hợp với chi hội khi có các trường hợp vi phạm, nhờ vậy đã hạn chế được các hoạt động rà điện, xiếc điện xâm lấn vùng nuôi trồng, hạn chế mất mát tài sản của hội viên.
- Tổ chức các lễ hội truyền thống: lễ cầu ngư và các hoạt động vui chơi thể thao.

1.3 Tình hình tài chính của CHNC

ĐVT: VND	
Tổng thu(6/2008-6/2010)	2.110.000
Tổng chi	635.000
Tồn quỹ(6/2010)	1.475.000

1.4 Thành lập Ban đồng quản lý

Ban đồng quản lý (BDQL) thành lập ở xã Hải Dương vào ngày 09/4/2010 đóng vai trò điều phối giữa CHNC và chính quyền địa phương. Thông tin chi tiết về BDQL xem ở Phụ lục 5.

PHẦN 2: HIỆN TRẠNG KHAI THÁC MẶT NƯỚC TRONG KHU VỰC CHỈC

Chi hội nghề cá Thượng Tây tổ chức hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản trên mặt nước đầm phá tự nhiên cận kề thôn Thượng Tây. Nguồn lợi thủy sản ở đây dồi dào phong phú nên có nhiều nghề tham gia khai thác như nò sáo, đáy, rớ, lừ, lưới cua, câu....Ngoài ra có một diện tích(gần bờ) được sử dụng để nuôi các loại cá nước lợ trong lồng. Các hội viên của chi hội đa số làm kết hợp nhiều nghề như vừa khai thác bằng ngư cụ cố định và ngư cụ di động, vừa làm nghề khai thác vừa tham gia nuôi trồng thủy sản.

- Nghề đáy: cũng gần giống như ở vùng Hương Giang, mặt nước ở đây có luồng lạch sâu đi qua và gần cửa Thuận An nên nghề đáy ở đây rất phát triển và đã có từ nhiều đời, mang tính cha truyền con nối. Tổng cộng có khoảng 28 hộ làm nghề đáy với 52 miệng đáy được bố trí trên 5 dãy. Trong đó có 21 miệng vi phạm đường giao thông, 6 miệng nằm trong vùng đệm gần bờ, 1 miệng nằm trong vùng đệm giữa hai xã. Kích thước mắt lưới phần đục 2a khoảng 4-6mm(rất nhỏ so với quy định của UBND tỉnh là 2a tối thiểu = 18mm).

- Nghề rớ: có 06 hộ làm nghề rớ giàn với số lượng là 07 trộ, bố trí rải rác ở trong vùng, trong đó có 4 trộ vi phạm đường giao thông, 2 trộ nằm trong vùng đệm ven bờ.

- Nghề nò sáo: có 01 hộ làm nghề sáo với 01 trộ được bố trí ở lạch chợ Hải Dương. Trộ sáo này vi phạm tuyến giao thông địa phương. Kích thước mắt lưới 2a khoảng 6-10mm(rất nhỏ so với quy định của UBND tỉnh là 2a tối thiểu = 18mm).

- Nghề lừ: hiện trong chi hội có khoảng 28 hộ tham gia khai thác nghề lừ với số lượng là 1.215 cheo. Trong đó có 3 hộ chuyên nghề lừ, các hộ khác đều có các nghề khác như đáy, rớ và nuôi cá lồng. Kích thước mắt lưới 2a khoảng 12-14mm(rất nhỏ so với quy định của UBND tỉnh là 2a tối thiểu =18mm).

- Nghề lưới cua, lưới bén và câu: chi hội có khoảng 18 hộ làm nghề lưới cua với 667 tay lưới búa cua ghe, kích thước mắt lưới loại nghề này 2a khoảng 40mm. Nghề lưới bén có 19 hộ ở trong chi hội tham gia với khoảng 200 tay, kích thước mắt lưới 2a từ 35-50mm. Có khoảng 5 hộ làm nghề lưới bén ở ngoài địa phương cũng đến tham gia khai thác nhưng không thường xuyên, một năm chỉ một vài tháng. Các hộ này đến chủ yếu từ Thuận An, Hương Phong, Quảng Thành. Ngoài ra trong chi hội còn có 11 hộ làm nghề câu. Các hộ làm các loại nghề này đều có làm các nghề khác như đáy, rớ và nuôi cá lồng.

- Nuôi cá lồng nước lợ: đây là vùng nước có nhiều đặc điểm thuận lợi cho việc phát triển nghề nuôi cá lồng như độ sâu, độ mặn, dòng chảy, độ ô xy

hòa tan.... Vì thế nghề nuôi cá lồng được phát triển nhiều từ năm 2008 đến nay. Hiện tại chi hội có 78 hộ tham gia nuôi với khoảng 300 lồng, các đối tượng chủ yếu là cá Chẽm, Hồng, Mú, Dìa, Nâu...

- Nuôi trồng thủy sản trong ao hồ nước lợ: Chi hội có 26 hộ đang tham gia nuôi trồng thủy sản trên diện tích ao hồ khoảng 12,4 ha. Ở vùng này bà con chủ yếu nuôi xen ghép tôm với các loại cá, cua...

Công tác quản lý đầm phá được chi hội rất quan tâm bởi vì nó liên quan trực tiếp với kinh tế đời sống của từng người dân ở đây. Tuy nhiên, chi hội đang gặp một số khó khăn sau:

- Mặt nước đầm phá nơi chi hội tổ chức các hoạt động khai thác, NTTS tiếp giáp với nhiều địa phương, ngư dân tham gia khai thác đến từ nhiều xã khác nhau như Thuận An, Hương Phong, Hương Vinh, Quảng Thành...,

- Các hoạt động của chi hội còn hạn chế, mong muốn của ngư dân chưa giải quyết kịp thời;

- Chưa có quy hoạch cụ thể cho các vùng;

- Xung đột xảy ra thường xuyên trên đầm phá vì sự tranh giành khai thác giữa các nghề;

- Nghề lừ phát triển nhanh về số lượng và kích thước mắt lưới lừ quá nhỏ tạo nên nguy cơ đánh bắt cạn kiệt;

- Đánh bắt không đi đôi với duy trì bảo vệ tài nguyên đầm phá đe dọa đời sống của ngư dân trong tương lai;

- Chi hội chưa được giao quyền khai thác;

- Kinh phí hoạt động còn ít;

- Thiếu phương tiện tuần tra.

Bản đồ thực trạng về khai thác và nuôi thủy sản (NTTS) (không có phân vùng) nằm ở Phụ lục 6.

PHẦN 3: KHU VỰC ĐỊA LÝ ĐỀ XUẤT GIAO QUYỀN KHAI THÁC THỦY SẢN

3.1 Cơ sở pháp lý

Nội dung thực hiện đồng quản lý tài nguyên đầm phá thông qua việc cấp quyền khai thác thủy sản được dựa trên các căn cứ:

- Quyết định số 347/QĐ, do Hội đồng Khoa học Nhà nước ban hành ngày 23/05/1992 về tiêu chuẩn phân loại kỹ thuật đường thủy nội địa;

- Thông tư số 02/2006/TT-BTS do Bộ Thủy sản ban hành ngày 20/03/2006 về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính Phủ số 59/2005/ND-CP ngày 04/5/2005 về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản.

- Thông tư số 15/2009/TT-BNNPTNT do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành ngày 17/03/2009 về danh mục thuốc, hóa chất, kháng sinh cấm sử dụng, hạn chế sử dụng trong sản xuất và kinh doanh thủy sản;

- Công văn số 1017/BNN-KT BVNL, do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành ngày 20/04/2009 về nâng cao quản lý nguồn lợi thủy sản và môi trường;

- Nghị định số 31/2010/ND-CP, do Chính phủ ban hành ngày 29/03/2010 về xử phạt hành chính các vi phạm trong lĩnh vực thủy sản;

- Quyết định số 3677/QĐ-UB, do UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành ngày 25/10/2004 về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể về quản lý khai thác thủy sản ở đầm phá Thừa Thiên Huế đến năm 2010;

- Quyết định số 4260/2005/QĐ-UBND, do UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành ngày 19/12/2005 ban hành Quy chế quản lý khai thác thủy sản ở đầm phá Thừa Thiên Huế;

- Hướng dẫn số 159/HD-STTS, do Sở Thủy sản tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành ngày 26/04/2006 về việc thực hiện Quy chế quản lý khai thác thủy sản ở đầm phá Thừa Thiên Huế;

- Công văn số 2011/UBND-NN, do UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành ngày 08/05/2009 về quản lý nguồn lợi thủy sản và môi trường;

- Công văn số 4818/UBND-NN, do UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành ngày 15/10/2009 về việc tăng cường kiểm tra, kiểm soát, quản lý nghề “Lừ xếp” khai thác trên đầm phá.

3.2 Tọa độ địa lý của các vùng nằm trong quyền sử dụng mặt nước

Phần này cung cấp tọa độ/bản đồ chính xác phân định vùng thuộc phạm vi giao quyền khai thác. Tọa độ được cung cấp theo dạng vĩ độ/ kinh độ thập phân trên hệ WGS84 (kèm theo tọa độ trên hệ VN 2000 ở phụ lục 8).

3.2.1 Khu vực đề xuất giao quyền cho CHNC Thượng Tây

Khu vực mặt nước đầm phá đề xuất giao quyền cho CHNC Thượng Tây(xem ở Bản đồ phân vùng-Phụ lục 7) được giới hạn bởi các điểm có tọa độ như sau và đường bờ tự nhiên:

Điểm	Vĩ độ	Kinh độ	Mô tả
03	16.582091	107.593370	Mốc ranh giới chi hội Thượng Tây- chi hội Vĩnh Trị (cọc bê tông-bờ phá)
13	16.579800	107.591410	Mốc ranh giới chi hội Thượng Tây- xã Hương Phong- chi hội Vĩnh Trị
12	16.569132	107.600382	Mốc ranh giới chi hội Thượng Tây- xã Hương Phong (tọa độ 364)
10	16.563605	107.613851	Mốc ranh giới chi hội Thượng Tây- Hương Giang-xã Hương Phong
11	16.566204	107.614277	Mốc ranh giới chi hội Thượng Tây- Hương Giang (cọc bê tông)
06	16.569997	107.614914	Mốc ranh giới chi hội Thượng Tây- Hương Giang (bến thuyền chợ Hải Dương)
05	16.570564	107.614473	Mốc ranh giới chi hội Thượng Tây- bầu chợ (đập cũ)
04	16.570115	107.613233	Mốc ranh giới chi hội Thượng Tây- bầu chợ (đập cũ)

- Ranh giới giữa chi hội Thượng Tây và chi hội Vĩnh Trị là đường nối thẳng giữa điểm 03 và điểm 13

- Ranh giới giữa chi hội Thượng Tây và xã Hương Phong là đường ranh giới giữa xã Hải Dương và xã Hương Phong theo bản đồ 364 (từ điểm 13 đi qua điểm 12 cho đến điểm 10)

- Ranh giới giữa chi hội Thượng Tây và chi hội Hương Giang là đường nối thẳng giữa điểm 10 đi qua điểm 11 đến điểm 06

- Ranh giới giữa chi hội Thượng Tây và bầu chợ là đường nối thẳng giữa điểm 04 và điểm 05

- Đường bờ tự nhiên từ điểm 03 đến điểm 04 và điểm 05 và điểm 06

Tổng diện tích mặt nước đầm phá đề xuất giao quyền cho CHNC Thượng Tây là 66,2 ha (không có vùng giao thông), có các vùng chuyên biệt như sau:

Diện tích mỗi vùng chức năng thuộc CHNC Thượng Tây
(tính đến ngày 10/01/2011)

STT	Vùng	Số vùng chuyên biệt	Diện tích (ha)
1	Vùng thủy lộ ¹	1	30,3
2	Vùng đệm ranh giới xã	1	4,0
3	Vùng đệm ven bờ đầm phá	1	8,1
4	Vùng nuôi lồng	1	14,3
5	Vùng đáy	3	6,8
6	Vùng khai thác chung	1	33,0
	Cộng (2,3,4,5,6)		66,2

3.2.2 Vùng thủy lộ, vùng đệm ranh giới xã và vùng đệm đường bờ

- Vùng thủy lộ căn cứ vào tọa độ chính thức do Đoàn quản lý Đường sông của Sở Giao thông Tỉnh cung cấp để xác định. Chiều rộng của các tuyến thủy lộ cấp quốc gia là 120m và cấp địa phương là 100m ở vùng Tam Giang. Độ rộng này bao gồm tuyến lõi và dải đệm thủy lộ, phù hợp với quy định của Nhà nước (347/QĐ ngày 23/05/1992). Diện tích của vùng thủy lộ là 30,3ha. Vùng này thuộc Sở giao thông vận tải tỉnh quản lý, trong phương án không đề xuất cấp quyền khai thác đối với vùng thủy lộ.

- Ranh giới xã xác định theo tọa độ chính thức do UBND huyện cấp và bản đồ địa hình chính thức tỉ lệ 1:25.000. Dải đệm 50 m (mỗi bên 25 m) được áp dụng cho vùng Hương Phong và Hải Dương theo đề xuất của UBND huyện Hương Trà. Diện tích của dải đệm ranh giới xã là 4,0 ha.

- Vùng đệm ven bờ đầm phá xác định theo đề xuất của UBND huyện Hương Trà, theo đó ở Hải Dương vùng đệm ven bờ là 50m (quyết định số 4260/2005/QĐ-UBND, ngày 19/12/2005 quy định vùng đệm ven bờ tối thiểu ở Tam Giang là 50m). Diện tích của vùng này là 8,1ha.

3.2.3 Vùng nuôi lồng

Vùng này là khu vực giới hạn trong các điểm ở bảng sau với đường bờ tự nhiên. Tổng diện tích vùng nuôi lồng là 14,3ha.

¹ Vùng này không xin cấp quyền.

Vùng nuôi cá lồng

Điểm	Vĩ độ	Kinh độ
L1.1	16.567237	107.608144
L1.2	16.566183	107.607873
L1.3	16.570557	107.602835
L1.4	16.573448	107.599810
L1.5	16.574309	107.600495

3.2.4 Vùng đáy

Mặt nước của chi hội Thượng Tây được bố trí 3 dãy đáy thuộc 3 tiểu vùng, tổng diện tích là 6,8ha (xem ở bản đồ phân vùng-Phụ lục 7). Tiểu vùng đáy được xây dựng dựa theo quy định của tỉnh (nghề di động hoạt động cách ngư cụ cố định tối thiểu là 20m) và quy chế của chi hội (quy định nghề khai thác di động hoạt động phải cách miệng đáy tối thiểu là 100m). Theo đó tiểu vùng đáy là vùng của mỗi dãy đáy, có kích thước từ 20-100m tính từ cọc và miệng đáy để đảm bảo các quy định trên. Do đặc điểm nghề đáy ở đây tổ chức khai thác cả hai con nước (con nước xuống và con nước lên), vậy nên đối với mỗi dãy đáy thì vùng đệm có kích thước 100m được tính cho cả hai bên (phía có miệng đáy). Các tiểu vùng đáy được giới hạn bởi các điểm ở các bảng sau:

Tiểu vùng đáy D8

Điểm	Vĩ độ	Kinh độ
D8.1	16.580104	107.592961
D8.2	16.580937	107.593960
D8.3	16.579592	107.595221
D8.4	16.578814	107.594245

Tiểu vùng đáy D9

Điểm	Vĩ độ	Kinh độ
D9.1	16.574962	107.597968
D9.2	16.575487	107.598645
D9.3	16.574184	107.599924
D9.4	16.573578	107.599178

Tiểu vùng đáy D10

Điểm	Vĩ độ	Kinh độ
D10.1	16.574044	107.596128
D10.2	16.574410	107.596965
D10.3	16.573002	107.598212
D10.4	16.572591	107.597322

3.2.5 Vùng khai thác chung

Vùng khai thác chung về nguyên tắc là tất cả diện tích mặt nước không thuộc bất kỳ vùng chuyên biệt nào trên đây, là vùng dành để bố trí rớ và các loại ngư cụ di động. Các trộ rớ được bố trí theo đề án sắp xếp của huyện Hương Trà. Vùng này có diện tích là 33ha (xem Phụ lục 7).

PHẦN 4

PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ NGHỀ NGHIỆP VÀ QUẢN LÝ NGUỒN LỢI THỦY SẢN ĐẦM PHÁ

4.1 Quy chế quản lý tài nguyên đầm phá đối với mỗi vùng chuyên biệt

Mỗi vùng chức năng có một quy chế riêng biệt quy định nghề nào được phép hoạt động và hoạt động theo phương thức nào. Nguyên tắc chung áp dụng ở chi hội Thượng Tây như sau:

- Tất cả người làm nghề đáy, nghề rớ, nghề nuôi cá lồng, nghề lừ, nghề lưới bén, nghề lưới cua đều phải là hội viên chi hội nghề cá Thượng Tây. Các chủ hộ phải đăng ký ngư cụ với chi hội và đóng đầy đủ phí sử dụng nguồn lợi.

- Hội viên chi hội Thượng Tây và người ngoài chi hội làm nghề di động khác (câu, dạy và soi) phải đăng ký ngư cụ với chi hội và đóng đầy đủ phí sử dụng nguồn lợi.

- Những người được phép khai thác trên vùng mặt nước của chi hội phải tuyệt đối tuân theo pháp luật hiện hành, các quy định của các cấp chính quyền và quy chế của chi hội.

4.1.1 Vùng thủy lộ, vùng đệm ranh giới xã và đệm ven bờ đầm phá

- Không được phép tiến hành các hoạt động NTTS và đặt ngư cụ cố định trong phạm vi thủy lộ để tàu thuyền lưu thông được dễ dàng. Không cho phép khai thác di động, nếu ngư cụ đó cản trở tàu thuyền đi lại.

- Không được phép tiến hành các hoạt động NTTS và đặt ngư cụ cố định trong vùng đệm ranh giới xã, để tránh mọi xung đột liên quan đến ranh giới xã.

- Không cho phép ngư cụ cố định hoạt động trong vùng đệm ven bờ đầm phá ngoại trừ rớ và nuôi cá lồng đã được quy hoạch theo đề án của UBND huyện Hương Trà, để đảm bảo lưu thông nước và bảo vệ cá con.

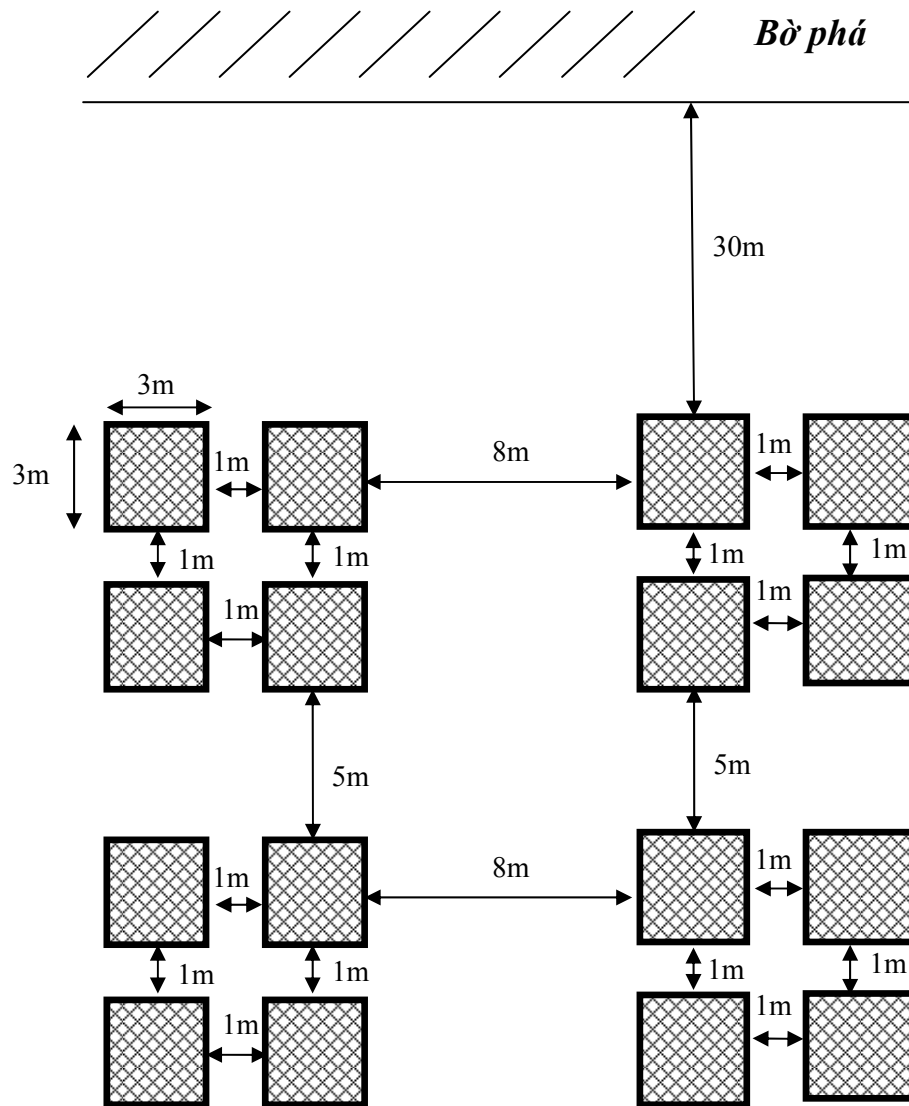
4.1.2 Vùng nuôi lồng

- Vùng nuôi lồng chỉ dành cho hoạt động nuôi lồng – không được phép tiến hành các hoạt động khai thác và NTTS khác;

- Chỉ có hội viên chi hội Thượng Tây mới được phép nuôi cá lồng;

- Không thả nuôi các loài thủy sản bị các ngành chức năng cấm nuôi trên vùng mặt nước của chi hội; Muốn nuôi một loài cá mới phải báo cáo với chi hội, BCH sẽ đề nghị các cơ quan chức năng thẩm định loài đó cho phép nuôi mới được thả nuôi;

Sơ đồ bố trí lồng



- Lồng chỉ được đặt trong vùng được quy hoạch, vị trí cụ thể do chi hội sắp xếp;

- Kích thước lồng là 3m x 3m x 3m;

- Các lồng được bố trí theo từng cụm, mỗi cụm 4 lồng, lồng cách lồng tối thiểu 1m, cụm cách cụm tối thiểu 5m. Các cụm được bố trí theo từng hàng, hàng cách hàng tối thiểu là 8m;

- Vật liệu làm lồng cho phép là lưới nylon và khung sắt hoặc gỗ;

- Không được thải các loại rác từ sinh hoạt, hoá chất độc hại, dầu máy trong vùng nuôi lồng;

- Ghe thuyền trong chi hội phải chạy đúng luồng chi hội quy định, phải neo đậu đúng chỗ chi hội quy định nhằm tránh ảnh hưởng tiêu cực đối với hoạt động nuôi lồng;

- Bất kỳ trường hợp bệnh hoặc dấu hiệu bệnh nào đều phải được báo cáo lập tức cho CHNC trong vòng 12 giờ kể từ khi phát hiện ra bệnh nhằm tránh lây lan bệnh và gây tổn thất cho những ngư dân khác;

- Khuyến khích hội viên sử dụng các loại thức ăn mới thay thế dần thức ăn tươi như hiện nay;

- Thức ăn tươi có dư thừa phải được thu gom trước 4h kể từ lúc cho ăn, tránh gây ô nhiễm cho vùng nuôi;

- Chi hội phải xây dựng kế hoạch nuôi trồng cụ thể cho từng năm bao gồm các nội dung như đối tượng nuôi, mùa vụ nuôi, con giống, thức ăn, thị trường tiêu thụ... để giảm bớt rủi ro xảy ra và mang lại hiệu quả cao hơn.

4.1.3 Vùng đáy

- Vùng đáy chỉ dành cho hoạt động khai thác của đáy, không được phép tiến hành các hoạt động khai thác và NTTS;

- Chỉ có hội viên chi hội Thượng Tây mới được phép làm nghề đáy;

- Tổng số miệng đáy giảm là từ 52 miệng hiện tại xuống còn 24 miệng (giảm 54 %), được bố trí trên 3 dãy. Số lượng cụ thể từng dãy như sau:

Số hiệu dãy	Số miệng đáy cho phép
D8	9
D9	6
D10	9
TỔNG CỘNG	24

- Mỗi hộ được làm tối đa 2 miệng đáy;

- Tuân thủ theo đề án quy hoạch của huyện Hương Trà;

- Không được coi nới, mở rộng diện tích mặt nước đã cấp cho nghề đáy;

- Khai thác cá giống phải có giấy phép của Chi cục Khai thác và Bảo vệ Nguồn lợi Thủy sản. Đối tượng khai thác, thời gian khai thác, kích thước mắt lưới phải đúng theo quy định trong giấy phép được cấp;

- Kích thước mắt lưới tối thiểu(phần đụp) dùng khai thác các loại thủy sản thương phẩm $2a = 18\text{mm}$;

- Tất cả các hoạt động khai thác và NTTS phải cách miệng đáy tối thiểu là 100m;

4.1.4 Vùng khai thác chung

Vùng khai thác chung ở chi hội Thượng Tây cho phép nghề đáy, rờ và các nghề khai thác di động hoạt động. Vị trí các rờ được bố trí theo đề án của huyện Hương Trà.

Nghề khai thác cố định

a, Nghề rớ

- Chỉ có hội viên Thượng Tây mới được phép làm nghề rớ;
- Giữ nguyên 07 trộ rớ, không phát triển thêm số lượng;
- Mỗi hộ chỉ được làm một trộ rớ;
- Tuân thủ theo đề án sắp xếp của huyện Hương Trà;
- Không được coi nói, mở rộng diện tích mặt nước đã cấp cho nghề rớ;
- Chiều dài tối đa một cạnh của rớ là 25m;
- Khoảng cách tối thiểu giữa hai trộ rớ là 80m;
- Khai thác cá giống phải có giấy phép của Chi cục Khai thác và Bảo vệ Nguồn lợi Thủy sản. Đối tượng khai thác, thời gian khai thác, kích thước mắt lưới phải đúng theo quy định trong giấy phép được cấp;
- Kích thước mắt lưới tối thiểu(phần đụt) dùng khai thác các loại thủy sản thương phẩm $2a = 18\text{mm}$;
- Tất cả các hoạt động khai thác và NTTS phải cách rớ tối thiểu là 20m.

Nghề khai thác di động

- Những ngư cụ được phép trong vùng mặt nước của CHNC Thượng Tây gồm lừ, lưới cua, lưới bển, câu, dậu và soi tay (không sử dụng điện). Những ngư cụ di động nào không được đề cập trong quy định này không được phép khai thác nếu không có sự cho phép chính thức (trên văn bản viết) của CHNC trước đó
- Tất cả ngư cụ di động khai thác phải cách miệng đáy là 100m , cách rớ và lồng cá tối thiểu là 20m;

b, Nghề lừ

- Chỉ có hội viên chi hội Thượng Tây mới được phép làm nghề lừ;
- Số lượng lừ cho phép khai thác ở vùng mặt nước của chi hội đến năm 2015 là 350 cái;
- Hội nghị toàn thể chi hội quyết định số lượng lừ tối đa được phép khai thác cho từng năm(thực hiện lộ trình tiết giảm lừ đến năm 2015) và phân bổ số lượng cụ thể cho từng hộ;
- Chiều dài tối đa của mỗi lừ là 10m;
- Mắt lưới tối thiểu của lưới lừ là $2a = 18\text{mm}$;
- Kích cỡ khung lồng sắt hình chữ nhật là 34cm (rộng) và 22 cm(cao);
- Không được đặt lừ ở nơi nước có độ sâu dưới 0,8 m;
- Ban ngày phải có phao báo hiệu điểm đặt lừ và ban đêm có phao báo sáng để dễ nhận biết trên mặt nước;
- Không được sử dụng hóa chất để giết lừ;

c, Nghề lưới cua

- Chỉ có hội viên chi hội Thượng Tây mới được phép làm nghề lưới cua;
- Tổng số tay lưới được khai thác trên vùng mặt nước của chi hội đến năm 2015 là 300 tay;

- BCH chi hội quyết định số lượng tay lưới tối đa được phép khai thác cho từng năm và phân bổ cụ thể cho từng hộ;
- Chiều dài tối đa mỗi tay lưới là 50m;
- Kích thước mắt lưới tối thiểu là $2a = 40\text{mm}$;
- Hoạt động nghề lưới vào ban ngày phải thả phao ganh, vào ban đêm phải có phao đèn sáng báo hiệu vị trí và hướng thả lưới;

d, Nghề lưới bén:

- Chỉ có hội viên chi hội Thượng Tây mới được phép làm nghề lưới bén;
- Tổng số tay lưới được khai thác trên vùng mặt nước của chi hội đến năm 2015 là 300 tay;
- BCH chi hội quyết định số lượng tay lưới tối đa được phép khai thác cho từng năm và phân bổ cụ thể cho từng hộ;
- Chiều dài tối đa mỗi tay lưới là 50m;
- Kích thước mắt lưới tối thiểu là $2a = 40\text{mm}$;
- Hoạt động nghề lưới vào ban ngày phải thả phao ganh, vào ban đêm phải có phao đèn sáng báo hiệu vị trí và hướng thả lưới;

4.2 Quy chế về hệ thống phí sử dụng nguồn lợi

Sau khi được giao quyền khai thác, chi hội sẽ được UBND xã ủy quyền thu phí sử dụng nguồn lợi theo mức UBND huyện cho phép. Chi hội được UBND xã trích lại 80% số tiền từ nguồn thu này để tổ chức thu phí và phục vụ công tác quản lý, bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản trên đầm phá; 20% nguồn thu này nộp vào ngân sách xã để phục vụ cho công tác quản lý chung về đầm phá trên toàn xã. Mức phí cụ thể cho từng loại nghề như sau:

Ngư cụ	Phí sử dụng nguồn lợi (VND/năm)	
	Hội viên	Ngoài hội viên
Đáy		
- Miếng khá:	120.000/Miếng	Không được phép
- Miếng thường:	70.000/Miếng	Không được phép
Rớ	70.000/Trộ	Không được phép
Lừ	1000/ Cái	Không được phép
Lưới cua		
- Chuyên	2000/Tay	Không được phép
- Không chuyên	1000/Tay	Không được phép
Lưới bén	2000/Tay	Không được phép
Câu		
Dạy	30.000/hộ	60.000/hộ
Soi		
Nuôi cá lồng	10.000/Lồng	Không được phép
Nuôi tôm, cá	100.000/ha	Không được phép

- Chi hội tổ chức quản lý thu chi nguồn thu phí sử dụng này theo đúng luật ngân sách Nhà nước và điều lệ của chi hội.

- Báo cáo tài chính mỗi năm sẽ do BCH chuẩn bị, bao gồm chi tiết tình hình thu, chi và số dư của quỹ để trình bày trước hội nghị toàn thể chi hội và báo cáo lên UBND xã.

- BCH chi hội chuẩn bị kế hoạch ngân sách cho năm sau để thông qua hội nghị toàn thể chi hội vào cuối mỗi năm và báo cáo lên UBND xã.

- Hệ thống phí sử dụng nguồn lợi trên đây có thể thay đổi tùy theo hội nghị toàn thể CHNC nhất trí đề xuất, UBND xã thông qua và được UBND huyện phê duyệt.

4.3 Quy chế xử lý vi phạm

- Khi phát hiện có sự vi phạm quy chế trong mặt nước chi hội Thương Tây, tùy theo mức độ vi phạm CHNC sẽ xử lý từ phê bình nhắc nhở, hoặc sẽ đề xuất với cơ quan có thẩm quyền xử phạt theo Nghị định 31/2010/ND-CP.

- Tất cả các trường hợp vi phạm sẽ báo cáo lên BĐQL trong các cuộc họp định kỳ.

- 100% tiền phạt từ hội viên sẽ được sử dụng làm quỹ của CHNC.

Hội viên vi phạm :

- Lần thứ nhất: đội tuần tra lập biên bản phê bình nhắc nhở, phải bồi hoàn thỏa đáng thiệt hại nếu có gây ra;

- Lần thứ hai: đội tuần tra lập biên bản, hội viên vi phạm phải nộp 100.000 đ vào quỹ chi hội, phải bồi hoàn thỏa đáng thiệt hại nếu có gây ra;

- Lần thứ ba, bị khai trừ ra khỏi chi hội và đề xuất với cơ quan có thẩm quyền xử phạt theo quy định hiện hành của Nhà nước;

Người ngoài chi hội vi phạm :

- Lần thứ nhất: đội tuần tra lập biên bản, nhắc nhở, nếu gây ra thiệt hại chi hội sẽ đề xuất với cấp có thẩm quyền buộc phải bồi hoàn thỏa đáng;

- Lần thứ hai trở đi, đội tuần tra sẽ phối hợp với Công an xã, Xã đội hoặc cấp cao hơn xử phạt theo quy định hiện hành của Nhà nước;

Đối với các hành vi vi phạm nghiêm trọng: như khai thác bằng xung điện, cào hén bằng thuyền máy, dùng hóa chất huỷ hoại môi trường, ăn cắp tài sản của hội viên, thì đội tuần tra sẽ lập tức phối hợp với Công an xã, Xã đội, Bộ đội Biên phòng và các lực lượng chuyên ngành để kịp thời ngăn chặn và xử phạt theo quy định hiện hành của Nhà nước.

4.4 Quy định tuần tra giám sát

- Chi hội thành lập 04 tổ tự quản bao gồm 02 tổ nuôi cá lồng và 02 tổ khai thác , nhiệm vụ cụ thể:

a) Tổ chức tự quản trên địa bàn của tổ mình, tuyên truyền vận động cộng đồng thực hiện quy chế của chi hội đề ra;

b) Đảm bảo thực hiện quy chế trên địa bàn, đặc biệt là giám sát các nghề khai thác bị cấm (như rà điện, xiếc điện, và cào hến bằng thuyền máy...), và báo cáo thường xuyên cho BCH chi hội;

c) Tiến hành các nhiệm vụ do BCH giao khi cần thiết;

- Quy định hoạt động của đội tuần tra:

a) Đội tuần tra được UBND xã ra quyết định thành lập theo đề xuất của chi hội;

b) Hoạt động dưới sự điều phối của Ban chấp hành CHNC;

c) Phải chấp hành sự điều động của BCH khi có yêu cầu tuần tra;

d) Phải đảm bảo bí mật, đúng giờ, đúng nơi quy định, có đủ các trang bị, dụng cụ được phân công;

e) Phải đeo băng đỏ khi tham gia tuần tra;

f) Phải thực hiện đúng Quy chế và Điều lệ chi hội cũng như chính sách và pháp luật của nhà nước;

g) Phải tuân thủ những quy định trên. Nếu vi phạm những quy định trên quá 3 lần sẽ bị chi hội đề xuất lên UBND xã khai trừ ra khỏi đội tuần tra. Về thủ tục BCH phải lập biên bản gửi lên UBND xã và BĐQL xã để ra quyết định cuối cùng, đồng thời có quyết định cho CHNC bầu bổ sung thành viên mới vào đội tuần tra;

- Trách nhiệm của Ban Chấp Hành CHNC:

a) Tổ chức tuần tra định kỳ 2 lần/ tháng, và tuần tra đột xuất tùy theo tình hình cụ thể ở trong địa bàn của chi hội. Mỗi lần tuần tra có ít nhất là 2 thành viên trong BCH cùng tham gia với đội tuần tra;

b) Mỗi lần tổ chức tuần tra phải đề xuất với BĐQL để huy động lực lượng Công an xã, Xã đội, Bộ đội Biên phòng, phối hợp tham gia;

c) Cung cấp cho các hội viên các số điện thoại của BCH, Công an xã, Xã đội... để khi cần thiết hội viên có thể liên lạc;

d) Điều động nghe thuyền tham gia tuần tra;

e) Điều động các tổ tự quản hỗ trợ ứng phó khi cần thiết;

- Tổ chức tuần tra:

a) Tất cả thuyền bè trong chi hội đều phải phục vụ cho công tác tuần tra của chi hội;

b) BCH phải có kế hoạch điều động nghe thuyền hợp lý và linh động. Khi được điều động các hội viên phải tuyệt đối tuân theo;

c) Kinh phí cho công tác tuần tra: kinh phí tuần tra được trích ra từ các nguồn quỹ của chi hội (phí hội viên, phí sử dụng nguồn lợi, hoạt động

kinh tế). BCH dự trù mức chi phí về tiền dầu, tiền nước cho đội tuần tra để đưa ra hội nghị toàn thể chi hội thông qua;

4.5 Quy chế quản lý xung đột

Xung đột xảy ra thuộc thẩm quyền chi hội thì BCH chi hội sẽ căn cứ điều lệ, quy chế để giải quyết. Những xung đột mà CHNC xét thấy vượt quá thẩm quyền thì sẽ chuyển lên UBND xã giải quyết, hoặc xin ý kiến chuyển tiếp lên cấp có thẩm quyền để xử lý theo pháp luật.

4.6 Phối hợp với các quy định khác của CHNC

Các quy định hiện hành khác của CHNC trái với các quy định trong phương án này sẽ bị loại bỏ.

4.7 Điều chỉnh phương án

Xét thấy cần thiết thì CHNC, UBND xã hoặc bất kỳ cơ quan nào có liên quan đều có thể đề xuất điều chỉnh phương án này. Việc điều chỉnh phải được chi hội Thượng Tây nhất trí, UBND xã Hải Dương thông qua và được UBND huyện Hương Trà phê duyệt.

PHẦN 5: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG

Phần này trình bày chi tiết và lịch trình các hoạt động sau khi đã giao quyền cho CHNC; hoạt động gồm triển khai (đăng ký và thu phí), giám sát và chấp pháp (tuần tra), các nỗ lực bảo vệ, tuyên truyền và các hoạt động khác.

5.1 Kế hoạch hoạt động chung và lịch thực hiện

Thời gian giao quyền sử dụng mặt nước ở Hải Dương dự kiến là 5 năm theo Quyết định số 3677/QĐ-UB. Lịch trình thực hiện mỗi hoạt động trình bày ở bảng dưới đây:

Hoạt động	2011	2012	2013	2014	2015	2016	Đơn vị thực hiện
Đăng ký nghề nghiệp và thu phí sử dụng nguồn lợi	T3-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T3	CHNC
Sắp xếp lại ngư cụ cố định theo quy định của huyện	T3-T12	T1-T12					CHNC, UBND xã, Phòng NN
Tiết giảm số lượng lừ và ngư cụ di động	T3-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T12		CHNC, UBND xã
Sắp xếp lại NTTS theo kế hoạch phân vùng của CHNC	T3-T4	T1-T4					CHNC, UBND xã
Tuần tra mặt nước đầm phá	T3-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T3	CHNC, UBND xã
Làm vệ sinh đầm phá	2lần/năm	2lần/năm	2lần/năm	2lần/năm	2lần/năm		CHNC, UBND xã
Thả giống vào đầm phá (để tăng lượng cá)	1lần/năm	1lần/năm	1lần/năm	1lần/năm	1lần/năm		CHNC, UBND xã
Các hoạt động tuyên truyền	T3-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T3	CHNC, UBND xã
Cắm mốc bổ sung	T3-T12	T1-T12					CHNC
Các hoạt động kinh tế của CHNC	T3-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T3	CHNC
Gia hạn quyền khai thác thủy sản						T2-T3	CHNC, UBND xã, Phòng NN

5.2 Đăng ký nghề nghiệp và thu phí sử dụng nguồn lợi

Khi được giao quyền, CHNC Thượng Tây sẽ tổ chức một cuộc họp lớn để thông báo đến tất cả hội viên về việc đăng ký nghề và đóng phí sử dụng nguồn lợi. Chi hội cũng sẽ tìm cách thông báo và khuyến khích người ngoài chi hội tham gia đăng ký nghề và đóng phí. Đối với ngư cụ cố định phải đăng ký trong vòng 3 tháng kể từ ngày chi hội được giao quyền, nộp phí đầy đủ vào ngày đăng ký với chi hội. Đối với nghề di động việc đăng ký nghề có thể tiến hành quanh năm, người đăng ký phải nộp đủ phí vào ngày đăng ký với chi hội. Các hộ đã thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ này sẽ được chi hội cấp thẻ sử dụng nguồn lợi.

5.3 Sắp xếp lại ngư cụ và NTTS

Theo kế hoạch của tỉnh thì công việc sắp lại nò sáo, đáy, rờ sẽ được thực hiện vào năm 2011. Việc thực hiện tái sắp xếp ngư cụ cố định phải theo kế hoạch phân vùng như đã nêu trong phương án này. Công việc sắp xếp lại vùng nuôi lồng theo như quy định dự tính sẽ được tiến hành vào tháng 3 đến tháng 4 của năm 2011 và năm 2012. Số lượng lừ và ngư cụ di động sẽ được chi hội tiết giảm dần và đến năm 2015 phải đạt được các chỉ tiêu về số lượng như đã nêu ra ở phần 4.1.4

5.4 Công tác tuần tra giám sát

Công tác tuần tra là hoạt động rất quan trọng của CHNC Thượng Tây. Sau khi được giao quyền khai thác thủy sản đầm phá chi hội sẽ thường xuyên tổ chức hoạt động này theo như quy định ở phần 4.4.

5.5 Các hoạt động bảo vệ và bảo tồn

Khi đã có quyền sử dụng mặt nước, CHNC sẽ tiến hành vệ sinh môi trường đầm phá một năm hai lần, có hội viên CHNC tham gia đầy đủ cùng các trường học địa phương; đây là một cách giáo dục cho học sinh ý thức về môi trường.

CHNC cũng sẽ thả cá giống vào đầm phá (nhằm tái tạo tài nguyên) ít nhất một lần một năm nhằm duy trì lượng cá ở đầm phá. Thành phần loài sẽ được quyết định mỗi năm tùy theo góp ý của nhiều bên có liên quan. Tránh thả các giống lạ.

5.6 Các hoạt động tuyên truyền

CHNC Thượng Tây bấy lâu nay đã tổ chức các hoạt động và sự kiện để quảng bá hình ảnh của chi hội, tuyên truyền vận động người dân trong khu vực thực hiện quy chế của chi hội. Sau khi được giao quyền sử dụng mặt nước, CH sẽ tiếp tục nâng cao nhận thức của người dân địa phương và người sử dụng tài nguyên bằng các hình thức:

- Tổ chức các cuộc họp lớn và tập huấn.
- Tổ chức các lễ hội truyền thống nghề cá.

- Vệ sinh đầm phá một năm hai lần.
- Phát tờ rơi để nâng cao ý thức bảo vệ đầm phá và tầm quan trọng của CHNC.
- Cấm biển báo hiệu và/ hoặc áp phích ở các vị trí chiến lược để thông tin thêm về các hóa chất cấm, các hoạt động khai thác bất hợp pháp, các loài cần bảo vệ, kích cỡ thu hoạch, và phân vùng cũng như quy chế CHNC.
- Phổ biến thông tin qua loa phóng thanh, và nếu được là qua đài phát thanh và/hoặc truyền hình.

Do nghề cá, đặc biệt là khai thác di động, hoạt động trên phạm vi nhiều xã nên trong chiến dịch tuyên truyền của CHNC sẽ có hoạt động công bố quyền sử dụng mặt nước và các quy chế quản lý cho các xã lân cận.

5.7 Cấm mốc bổ sung

Các vùng nuôi lồng đề cập trong đề án này sẽ cấm mốc báo hiệu bằng bê-tông hoặc tre trong các năm 2011 và 2012.

5.8 Sản xuất con giống và thức ăn theo từng CHNC

Tùy theo nguồn quỹ có sẵn, CHNC sẽ triển khai các hoạt động sản xuất con giống và thức ăn để cung cấp con giống nước lợ và thức ăn cho nuôi trồng nước lợ là một phần nỗ lực của CHNC giảm sử dụng cá tạp và con giống từ khai thác tự nhiên trong NTTS.

**Đơn vị xin cấp quyền khai thác
TM.CHI HỘI THƯỢNG TÂY
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Bồn

**TM. UBND XÃ HẢI DƯƠNG
CHỦ TỊCH**

**Đơn vị hỗ trợ kỹ thuật
DỰ ÁN IMOLA**

Massimo Sarti

PHỤ LỤC

1. Quyết định của Tỉnh hội về thành lập CHNC
2. Điều lệ hội
3. Danh sách thành viên BCH
4. Danh sách hội viên CHNC
5. Thỏa thuận về thành lập ban đồng quản lý (đã ký)
6. Bản đồ thực trạng ngư cụ và NTTS
7. Bản đồ phân vùng vùng mặt nước CHNC (gồm các vùng chuyên biệt)
8. Hệ tọa độ theo VN2000

